ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 875 /QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 21 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ các Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2016 và Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp;

Theo đề nghị của Ban Quản lý các dự án 98 tại Tờ trình số 448/TTr-BQLDA ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3645/TTr-STC ngày 13 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án 98.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum.

4. Thời gian khởi công - hoàn thành:

- Theo quyết định đầu tư: Từ năm 2016.

- Thực hiện: Từ ngày 28 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

TT	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Giá trị quyết toán	Thực hiện	
				Đã thanh toán	Còn được thanh toán
	Tổng cộng	**73.238.060.000**	**70.520.355.000**	**70.436.265.000**	**84.090.000**
1	**Nguồn thu từ việc bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các trụ sở cũ**		**64.017.000.000**	**64.017.000.000**	**-**
-	Năm 2016		24.017.000.000	24.017.000.000	-
-	Năm 2019		40.000.000.000	40.000.000.000	-
2	**Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh**		**6.503.355.000**	**6.419.265.000**	**84.090.000**
-	Năm 2020		6.419.265.000	6.419.265.000	-
-	Năm 2020 được phép kéo dài sang năm 2021 tiếp tục thực hiện		84.090.000	-	84.090.000

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (điều chỉnh)	Tổng dự toán (điều chỉnh)	Giá trị quyết toán
	Tổng số	**73.238.060.000**	**70.843.030.000**	**70.520.355.000**
1	Chi phí xây dựng	46.554.200.000	56.221.695.000	55.899.049.888
2	Chi phí thiết bị	8.876.050.000	7.072.055.000	7.072.055.000
3	Chi phí quản lý dự án	945.157.000	1.377.000.000	1.377.000.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.011.903.000	3.292.313.000	3.292.313.000
5	Chi phí khác	2.851.607.000	2.879.967.000	2.879.937.112
6	Chi phí dự phòng	10.999.143.000	0	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao cho đơn vị khác	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	**-**	**-**	**70.520.355.000**	**-**
1. Tài sản dài hạn *(tài sản cố định)*			70.520.355.000	
2. Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

1. Chủ đầu tư (*Ban Quản lý các dự án 98)* chịu trách nhiệm:

- Về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

- Về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng và các quy định khác có liên quan.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh lập thủ tục, bàn giao danh mục tài sản, giá trị tài sản theo đúng quy định của pháp luật về quản lý tài sản công; phối hợp với Điện lực thành phố Kon Tum lập thủ tục, tạm bàn giao danh mục tài sản, giá trị tài sản đối với Hạng mục trạm biến áp 560KVA để Điện lực thành phố Kon Tum quản lý vận hành.

- Ban giao tài sản và các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tài sản cho các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản; lưu trữ hồ sơ dự án, cung cấp kịp thời hồ sơ dự án cho cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Trong thời gian bảo hành, phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh và Điện lực thành phố Kon Tum theo dõi, quản lý đối với các hạng mục công trình thuộc dự án Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp; trong quá trình vận hành, khai thác và sử dụng trường hợp phát hiện hư hỏng, khiếm khuyết công trình có trách nhiệm yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện bảo hành theo quy định.

- Phối hợp với Sở Công Thương, Điện lực thành phố Kon Tum tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ điều chuyển tài sản Hạng mục trạm biến áp 560KVA sang Tập đoàn điện lực Việt Nam quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Ban Quản lý các dự án 98 có trách nhiệm hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án đảm bảo đúng thời gian quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020.

- Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	**70.520.355.000**	Tất toán sau khi hoàn thành thanh toán công nợ dự án
1	Nguồn thu từ việc bán đấu giá QSD đất và tài sản trên đất của các trụ sở cũ	64.017.000.000	
2	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh	6.503.355.000	

- Các khoản phải thu, phải trả đến ngày 1 tháng 9 năm 2021:

- Khoản phải thu: 0 đồng.

- Khoản phải trả: 84.090.000 đồng về chi phí quyết toán của Cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (*Sở Tài chính*).

- Nguồn vốn thanh toán nợ phải trả: Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2019 đã bố trí kế hoạch vốn năm 2020 cho dự án được phép kéo dài sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng cộng	**70.520.355.000**	
Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị	69.320.613.000	
Điện lực thành phố Kon Tum	1.199.742.000	

(Chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục đính kèm).

- Phối hợp với Ban Quản lý các dự án 98 tiếp nhận quản lý tài sản và hạch toán kế toán theo đúng quy định của pháp luật có liên quan; lưu trữ hồ sơ dự án, cung cấp kịp thời hồ sơ dự án cho cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Sau thời gian bảo hành, Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh và Điện lực thành phố Kon Tum có trách nhiệm thực hiện công tác bảo trì, duy tu, bảo dưỡng công trình theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, ngân sách nhà nước, đầu tư công.

- Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn cho chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành và giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh:

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

- Đôn đốc chủ đầu tư thanh toán các khoản phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán và tất toán tài khoản của dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

Điều 4. Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh, Điện lực thành phố Kon Tum; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Trưởng ban Ban quản lý các dự án 98 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh ($PCVP_{KTTH}$);
- Lưu: VT, HTKT.TVL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Nguyễn Ngọc Sâm

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Công trình: Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp
(Kèm theo Quyết định số 875 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Đơn vị tiếp nhận sử dụng	Ghi chú
	Tổng số				**70.520.355.000**		
1	**Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp**	**CT**	**1**	**69.320.613.000**	**69.320.613.000**	**Trung tâm Dịch vụ hành chính - Hội nghị tỉnh**	
	Trong đó:						
1.1	*Chi phí xây dựng công trình (san nền; xây lắp nhà chính; bể nước ngầm; hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà + Tuynel kỹ thuật; hệ thống chữa cháy; hệ thống mạng, điện thoại, camera; Hệ thống điều hòa không khí cục bộ; hệ thống cấp điện)*	*CT*	*1*	*55.606.851.226*	*55.606.851.226*		
1.2	*Thiết bị gắn với xây lắp*						
-	Máy chiếu (hãng sản xuất EIKI, xuất sứ Trung Quốc); Màn hình điều khiển từ xa 200 inch (Nhãn hiệu: Dalite, xuất sứ Trung Quốc)	bộ	2	40.000.000	80.000.000		
-	Hệ thống âm thanh trực tuyến phòng họp số 1	HT	1	50.000.000	50.000.000		
-	Hệ thống âm thanh trực tuyến phòng họp số 2	HT	1	60.000.000	60.000.000		
-	Thang máy OTIS (Chủng loại: Gen2- regen, loại thang không phòng máy)	Bộ	2	1.571.900.000	3.143.800.000		
-	Máy phát điện dự phòng 300KVA (Trọn bộ bao gồm vỏ chống ồn + tủ ATS), (hiệu HT5F30)	Bộ	1	1.280.000.000	1.280.000.000		
-	Dây loa - Cáp 14 AWG (2x2.11mm)	m	300	87.000	26.100.000		
-	Dây tín hiệu micro	m	150	226.500	33.975.000		

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Đơn vị tiếp nhận sử dụng	Ghi chú
-	Bộ điều khiển trung tâm OBT-3000 (Công nghệ Đức hàng nhập khẩu có Co, CQ nhà máy sản xuất tại Trung Quốc)	cái	1	7.000.000	7.000.000		
-	Loa âm trần OBT-611 (Công nghệ Đức hàng nhập khẩu có Co, CQ nhà máy sản xuất tại Trung Quốc)	cái	8	310.000	2.480.000		
-	Micro không dây Nanomax FX 100 (Nanomax FX 1000: Công nghệ mỹ nhà máy sản xuất tại Việt Nam)	cái	1	4.000.000	4.000.000		
-	Amply liền mixer OBT-6250 (Công nghệ Đức hàng nhập khẩu có Co, CQ nhà máy sản xuất tại Trung Quốc)	cái	2	7.300.000	14.600.000		
-	Micro đại biểu OBT-3000B (Công nghệ Đức hàng nhập khẩu có Co, CQ nhà máy sản xuất tại Trung Quốc)	cái	20	2.900.000	58.000.000		
-	Loa hộp 40W OBT-583 (Công nghệ Đức hàng nhập khẩu có Co, CQ nhà máy sản xuất tại Trung Quốc)	cái	4	6.200.000	24.800.000		
-	Nhân công lắp đặt	HT	1	10.000.000	10.000.000		
1.3	*Thiết bị bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu*						
-	Bàn làm việc kết hợp tủ đựng tài liệu (Mã hiệu HRMD09; Hãng sản xuất: Công ty Cổ phần nội thất Hòa Phát; Xuất xứ: Việt Nam)	cái	120	7.535.000	904.200.000		
-	Ghế làm việc (Mã hiệu SL301M; Hãng sản xuất: Công ty Cổ phần nội thất Hòa Phát; Xuất xứ: Việt Nam)	cái	240	1.255.000	301.200.000		
-	Giá trị giảm giá			(100.000.000)	(100.000.000)		
1.4	*Thiết bị bàn ghế phòng họp*						
-	Bàn phòng họp (Mã hiệu CT5522H1; hãng sản xuất: Công ty Cổ phần nội thất Hòa Phát; xuất xứ: Việt Nam)	cái	1	46.750.000	46.750.000		

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Đơn vị tiếp nhận sử dụng	Ghi chú
-	Ghế phòng họp (Mã hiệu GH02; hãng sản xuất: Công ty Cổ phần nội thất Hòa Phát; xuất xứ: Việt Nam)	cái	170	1.295.000	220.150.000		
1.5	Chi phí khác (chi phí QLDA, tư vấn, chi khác)	CT	1	7.546.706.603	7.546.706.603		
2	**Hạng mục trạm biến áp 560KVA thuộc Dự án Trụ sở làm việc các Sở, ban ngành thuộc khối Tổng hợp**	**CT**	**1**	**1.199.742.000**	**1.199.742.000**	**Điện lực thành phố Kon Tum**	
2.1	*Chi phí xây dựng:*						
-	Móng trạm biến áp; hệ thống tiếp địa trạm biến áp	CT	1	72.671.662	72.671.662		
-	Tủ RMU 2 ngăn 24KV, 630A hãng ABB; Trung Quốc	Bộ	1	219.527.000	219.527.000		
2.2	*Thiết bị gắn với xây lắp: Kios điện 560KVA*	*Bộ*	*1*	*905.000.000*	*905.000.000*		
2.3	*Chi phí hạng mục chung*	*CT*	*1*	*2.543.509*	*2.543.509*		